

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Năm báo cáo: Năm 2012

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG



Quang cảnh Nhà máy ô tô Cửu Long - CUU LONG AUTOMOBILE FACTORY

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tên công ty: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Tên giao dịch quốc tế: TMT Motor Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104563

Vốn điều lệ: 284.502.360.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 284.502.360.000 đồng

Địa chỉ: Số 199B phố Minh khai, Phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - TP.Hà Nội

Điện thoại: 043.8628205

Fax: 043.8628703

Website: <http://www.tmt-vietnam.com.vn>

2. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán: TMT

Sàn niêm yết: HOSE

Ngày bắt đầu niêm yết: 22/01/2010

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 28.040.536 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

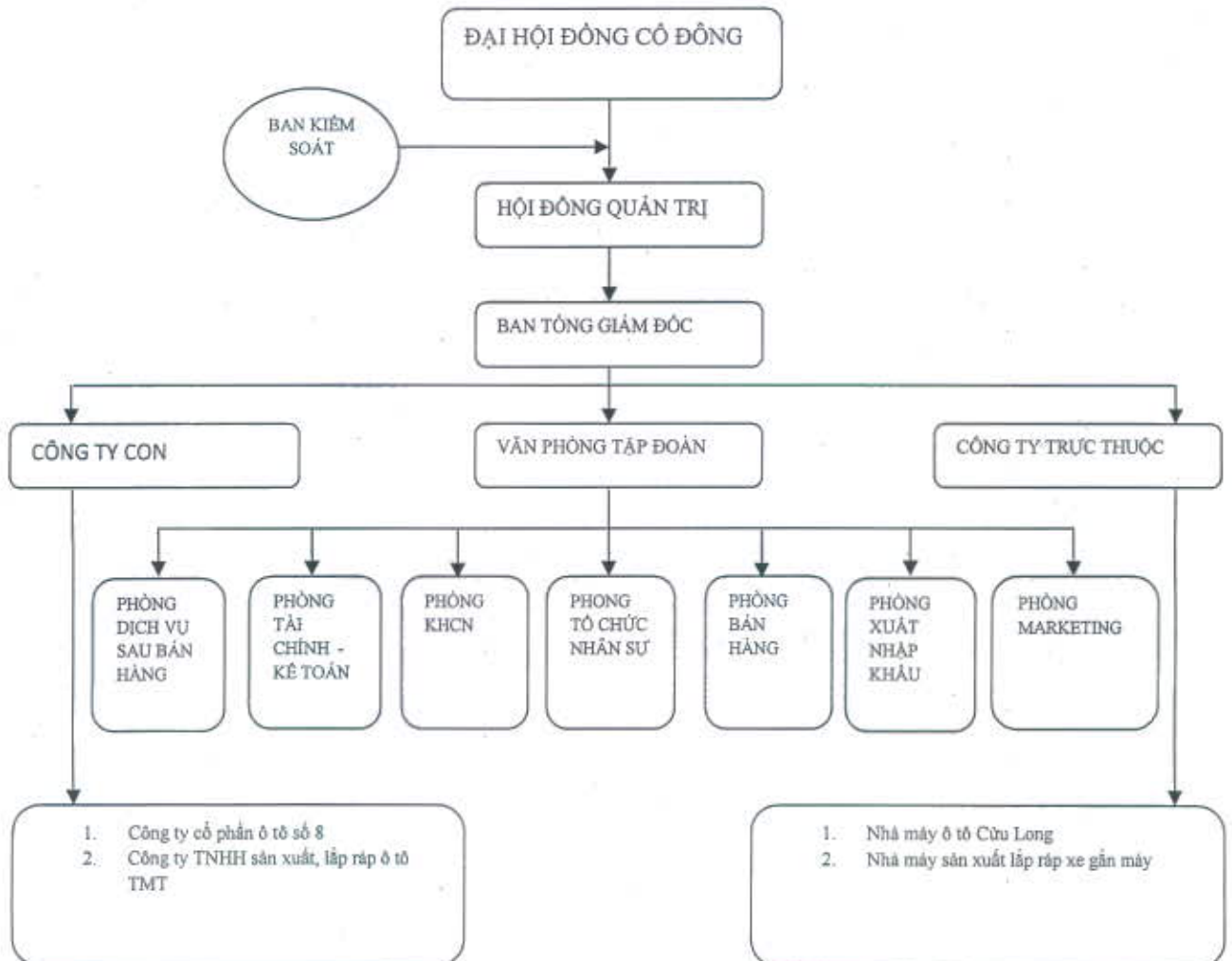
STT	Tên ngành
1	Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải
2	Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện thiết bị cơ khí, giao thông vận tải
3	Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải
4	Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa
5	Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dung
6	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa (Trừ loại Nhà nước cấm)
7	Xây dựng công trình giao thông
8	Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
9	Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại
10	Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
11	Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh
12	Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
13	Sản xuất, mua bán, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành các loại xe ba bánh gắn máy
14	Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ
15	Mua bán, phân loại, tái chế, đóng gói, vận chuyển, tiêu thụ các sản phẩm bằng kim loại, gỗ (Trừ loại gỗ Nhà nước cấm), cao su phế liệu và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - TP.Hà Nội

4. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

6. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

❖ Công ty thương mại và sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam – tiền thân là “ Công ty vật tư “ trực thuộc Cục cơ khí – Bộ Giao thông vận tải, được thành lập ngày 27/10/1976.

❖ Năm 1980 đổi tên thành “Công ty Vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải” và được thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 602/QĐ.TCCB-LĐ ngày 05/04/1993 của Bộ Giao thông vận tải.

❖ Ngày 01/09/1998 đổi tên Công ty thành “Công ty thương mại và sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải” (TMT) theo quyết định số 2195/1998 QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải.

❖ Tháng 4 năm 2006 được bộ Giao thông vận tải phê duyệt phương án cổ phần hóa theo quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/04/2006 và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006.

❖ Ngày 22/01/2010, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

7. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

❖ Trước tháng 4 /1993: tiền thân của Công ty là Công ty vật tư thuộc cục cơ khí – Bộ giao thông vận tải, được thành lập ngày 27/10/1976, Công ty chủ yếu làm nhiệm vụ tiếp nhận và cung cấp vật tư thiết bị cho các đơn vị trong ngành cơ khí giao thông vận tải, theo chỉ tiêu và kế hoạch do cấp trên giao.

❖ Từ năm 1995 đến tháng 8/1997: Giai đoạn Công ty vô cùng khó khăn

❖ Từ tháng 9/1997 đến năm 1999: Các hoạt động kinh doanh của Công ty bắt đầu phát triển và đi vào chiều sâu, thị trường và mặt hàng kinh doanh được mở rộng: Doanh thu đạt 68 tỷ đồng (tăng 54,5% so với năm 1998), thu nhập của cán bộ công nhân viên được của thiện, đạt 1.300.000 đồng/người/tháng 9 (tăng 102% so với năm 1998). Nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh trước mắt cùng như

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

lâu dài, Công ty đã đầu tư 2.250.000.000 đồng để đổi mới thiết bị và xây dựng mặt bằng, văn phòng làm việc.

❖ Năm 2000: Trụ sở Công ty được chuyển đến địa điểm 199B – Minh Khai – Q.Hai Bà Trưng-TP.Hà Nội.

Công ty bắt đầu sản xuất, lắp ráp xe máy hai bánh, lắp ráp động cơ xe gắn máy, đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Doanh thu đạt 164 tỷ đồng (tăng 141% so với năm 1999), thu nhập của CBCNV đạt 1.800.000 đồng/tháng/người 9 (tăng 80% so với năm 1999), nộp ngân sách 39.7 tỷ đồng (tăng 271.3% so với năm 1999).

❖ Năm 2001: Công ty đã xây dựng được thương hiệu độc quyền cho xe gắn máy hai bánh Jiulong, doanh thu đạt 333 tỷ đồng (tăng 130% so với năm 2000), thu nhập của CBCNV đạt 2.100.000 đồng/người.tháng (tăng 16,6% so với năm 2000), nộp ngân sách 57,2 tỷ đồng 9 tăng 44% so với năm 2000) tiếp tục đầu tư thiết bị, xây dựng nhà xưởng

❖ Năm 2002: Khánh thành xưởng sản xuất bộ côn xe gắn máy tại 199B Minh Khai – Hai Bà Trưng –Hà Nội để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong nước cho sản phẩm xe gắn máy hai bánh thương hiệu Jiulong và bắt đầu vào việc sản xuất, lắp ráp xe gắn máy hai bánh, tập trung đầu tư và giải quyết việc đền bù, san lấp 154.812 m² đất tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để chuẩn bị xây dựng Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô Cửu Long và Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy.

❖ Năm 2003: Công ty tiếp tục duy trì và giữ vững việc sản xuất, lắp ráp xe gắn máy hai bánh đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng và lắp đặt dây chuyền cho nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô, Đến tháng 12/2003, Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô đã đi vào sản xuất thử. Trong năm này, Công ty đã được tổ chức cam kết chất lượng Quốc tế tặng Cúp Ngôi sao bạch kim.

❖ Năm 2004: Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh từ thương mại và dịch vụ sang mô hình sản xuất công nghiệp là chính. Ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

29/05/2004, Công ty khánh thành Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô nông dụng Cửu Long. Về lĩnh vực sản xuất, lắp ráp xe gắn máy Công ty đã thiết kế và đăng ký kiểu dáng xe máy độc quyền nhãn hiệu ARROW 6 và được người tiêu dùng ưa chuộng. Vốn đầu tư máy móc thiết bị nhà xưởng lên đến 43.441.000.000 đồng.

❖ Năm 2005: Công ty tiến hành thực hiện cổ phần hóa để chuyển đổi mô hình sở hữu.

❖ Tháng 12/2006: Công ty chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần theo tiến trình như sau:

Theo quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 11/05/2005 của Bộ Giao thông vận tải và việc phê duyệt danh sách các Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam cổ phần hóa trong năm 2005 và Quyết định số 2144/QĐ-BGTVT ngày 24/06/2005 của bộ GTVT về việc thành lập ban chỉ đạo cổ phần Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị GTVT; Ban chỉ đạo cổ phần hóa(CPH) Công ty và đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp đã xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp là 245.960.931.291 đồng. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 12.744.780.501 đồng.

- Ngày 14/04/2006 , bộ Giao thông vận tải có quyết định số 870/QĐ-BGTVT phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị GTVT, Công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Trong đó vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, cổ phần phát hành lần đầu là 2.500.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

+ Cổ đông Nhà nước: 875.000 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 138.000 cổ phần chiếm 5,544% vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán đấu giá công khai 1.486.400 cổ phần , chiếm 59,456% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Ngày 14/08/2006, Bộ giao thông vận tải có quyết định số 1683/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần ô tô TMT như sau: Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ô tô TMT là 25.000.000.000 đồng tương đương 2.500.000 cổ phần

+ Cổ đông Nhà nước: 1.225.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 138.600 cổ phần chiếm 5,544% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược: 250.000 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán đấu giá công khai: 886.400 cổ phần, chiếm 35,456% vốn điều lệ.

- Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006

❖ Tháng 12/2007 công ty phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên thành 45.000.000.000 đồng. Mục đích tái cơ cấu lại vốn kinh doanh. Doanh thu đạt 977 tỷ đồng vượt 129,3%, lợi nhuận trước thuế đạt 75,5 tỷ đồng đạt 1.208%.

❖ Năm 2008: đầu tư 10.833.330.000 đồng vào công ty cổ phần ô tô số 8. Xây dựng và khánh thành nhà máy Cửu Long giai đoạn II để phục vụ sản xuất tối thiểu đạt 120 xe một ngày. Đầu tư dây truyền sơn tĩnh điện (ED) để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời là để phục vụ chiến lược phát triển dòng xe di lịch 4 đến 9 chỗ ngồi.

Tháng 12/2008 công ty thực hiện Nghị quyết hội đồng cổ đông tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 đồng lên 90.000.000.0000 đồng.

❖ Tháng 06/2009 phát hành 35.775.000 tăng vốn điều lệ lên 125.775.000.000 đồng theo Nghị quyết số 555/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2009. Thực hiện dự án di

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

rời, mở rộng nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô chỗ ngồi tối đa 60 chỗ và xe hai bánh gắn máy nâng công suất lên 120.000 xe/năm. Tăng vốn điều lệ

❖ Ngày 09/04/2010 thành lập Công ty TNHH sản xuất, lắp ráp ô tô TMT.
Tại địa chỉ: Thôn Đình Trà, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

- Ngày 12/02/2010 phát hành 3.773.250 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 163.507.500.000 đồng theo Nghị quyết số 1256/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2009.

- Tăng vốn điều lệ lên 284.502.360.000 đồng ngày 26/08/2010.

- Đầu tư, lắp ráp và sản xuất xe ô tô TMT với công suất 10.000 xe/năm tại Hưng Yên.

- Hoàn thành thủ tục và nhận bàn giao lô đất 156.321 m² tại khu công nghiệp Phố nôi A thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đã sản xuất lắp ráp thành công và đưa ra thị trường tiêu thụ sản phẩm mới là dòng xe tải Hyundai – TMT.

❖ Năm 2011: Giải thể Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe gắn máy theo quyết định số 488/QĐ-TMT-HĐQT ngày 05/05/2011.

❖ Năm 2012: Tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại tỉnh Bình Dương

8. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến ngày 31/12/2012 Tập đoàn TMT có 2 công ty con

a. Công ty TNHH sản xuất lắp ráp ô tô TMT

Trụ sở: Thôn Đình Trà, Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

- Sản xuất lắp ráp ô tô các loại
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện thiết bị cơ khí giao thông vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Kinh doanh xe ô tô các loại
- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ đã góp: (0) đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty TMT (100%)

b. Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8

Trụ sở: Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải, đào tạo lái xe

Vốn điều lệ đã góp: 10.833.330.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty TMT (54,17%)

9. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a. Các mục tiêu chủ yếu.

- Duy trì hoạt động Công ty ổn định và phát triển vững chắc. Mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty phục vụ ngành nghề chính đúng quy định pháp luật

- Phấn đấu thực hiện đạt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng trưởng đúng kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hoàn thiện việc đầu tư xây dựng, lắp đặt dây chuyền sơn ED tại Nhà Máy ô tô Cửu Long trong quý III, năm 2013 để đưa vào vận hành phục vụ cho kế hoạch nâng cấp và phát triển các chủng loại xe mới với đối tác Tata của Ấn Độ.

- Hoàn thiện hệ thống dịch vụ bán hàng và dịch vụ sau bán hàng. Tổ chức đầu tư, đào tạo tay nghề cho toàn bộ nhân viên dịch vụ sửa chữa sau bán hàng cho Công ty và các đại lý nhằm đưa đến cho khách hàng một dịch vụ chăm sóc sản phẩm tốt như các hãng Toyota, Honda, BMW, Mercedes-Benz....

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tăng cường mối quan hệ với các Bộ, Sở giao thông vận tải, ban ngành thành phố, quận, huyện, xã nhằm thực hiện các dự án cung cấp sản phẩm cho các chương trình phát triển nông thôn, giảm tỷ lệ tai nạn gia thông hàng năm, Sản phẩm bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Nhanh chóng đàm phán, ký kết với hãng Tata để sản xuất xe du lịch mang thương hiệu toàn cầu, làm dịch vụ bảo hành và chuyển giao công nghệ sản xuất, lắp ráp xe dạng CKD

- Chuyển đổi mục đích sử dụng 1300 m² đất tại Triều Khúc sang làm dự án đầu tư xây dựng chung cư.

- Thay đổi cơ cấu sản phẩm, phát triển kinh doanh thương mại các loại xe ô tô du lịch thương hiệu toàn cầu dạng CBU (nguyên chiếc) để quảng bá, tiếp thị cho các sản phẩm CKD lắp ráp trong thời gian tới.

- Tổ chức, sắp xếp bộ máy, lao động của Công ty cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng cường khả năng cạnh tranh, phát huy được khả năng, năng lực của CBCNV.

- Thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, nâng cao năng lực tài chính tham gia các dự án có tổng vốn đầu tư cao.

- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phù hợp có hiệu quả, đủ khả năng lắp ráp các dòng xe du lịch với chất lượng châu Âu. Cập nhật, tiếp thu những công nghệ xây dựng tiên tiến ở trong nước và thế giới

- Đa dạng hóa các phương thức kinh doanh như: liên kết chặt chẽ toàn diện với ngân hàng trong việc bán sản phẩm đến tận từng đối tượng khách hàng.

c. Các mục tiêu đối với môi trường xã hội và cộng đồng của công ty

- Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2000, tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, tiêu chuẩn khí thải EURO II, tiến tới áp dụng tiêu chuẩn khí thải EURO III cho các dòng xe du lịch sắp tới

- Ngày 4/5/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã cho phép Công ty CP ô tô TMT được khai thác nước dưới đất theo giấy phép khai thác số 642/GP-UBND. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy ô tô Cửu Long là một quá trình khép kín bao gồm: Nước thải nhà vệ sinh, nước thải sơn, nước thải nhà ăn qua công đoạn bể tự hoại, xử lý sơ bộ, bể tách dầu mỡ. Sau đó sẽ chuyển qua bể điều hoà, công đoạn tách rác mịn, qua bể anoxic, bể aerotank và Lọc màng

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

MBR, cuối cùng là thải ra môi trường. Nước thải ra môi trường đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện nay.

10. CÁC RỦI RO

a. Rủi ro về bối cảnh kinh tế và chính sách luật pháp.

- **Bối cảnh chung:** Thị trường ô tô ảm đạm và liên tục sụt giảm trong thời gian qua khiến các nhà sản xuất ô tô cũng như các doanh nghiệp nhập khẩu lo lắng. Lượng tiêu thụ của các hãng sụt giảm chủ yếu do chính sách thuế, phí liên tục thay đổi. Trong khi đó, việc đưa ra dự thảo các loại phí, thuế mới khiến không chỉ nhà sản xuất cảm thấy áp lực mà chính người tiêu dùng thực sự thấy đắn đo. Trong bối cảnh đó, lượng tồn kho của các doanh nghiệp lớn, nhiều doanh nghiệp bị giải thể, đình đốn sản xuất đặc biệt là khối doanh nghiệp liên quan đến xây dựng và lắp ráp ô tô như xe tải, xe chuyên dụng phục vụ xây dựng.

- **Giải pháp:** Ban lãnh đạo công ty đã phải xác định lại mục tiêu kinh doanh giảm chỉ tiêu doanh thu xuống 300 tỷ và cố gắng chỉ đạo sát sao để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, cắt giảm nhân công dư thừa và chi phí thiếu hợp lý, kiện toàn nhân sự, tuyển dụng một số nhân sự cấp cao có năng lực để giúp thay đổi lại hệ thống quản trị công ty trong thời kỳ kinh tế khó khăn.

- **Kết quả:** Kết thúc năm kinh tế ảm đạm của Việt Nam, TMT đã hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu đặt ra sau khi điều chỉnh xuống 300 tỷ. Cụ thể doanh thu toàn Công ty đạt 488 tỷ đồng tuy nhiên lợi nhuận chỉ đạt 192 triệu nhưng cũng hoàn thành chỉ tiêu là không lỗ trong năm 2012.

b. Rủi ro về thị trường tài chính và đặc biệt là rủi ro về tỷ giá ngoại hối.

- **Bối cảnh chung:** Chính sách tiền tệ trong năm 2012 được điều hành khá thận trọng. NHNN đã tạo được sự ổn định cơ bản trên hệ thống tài chính – ngân hàng, như thanh khoản được cải thiện, kéo giảm mặt bằng lãi suất, chống vàng hóa và đôla hóa, tỷ giá USD/VND ổn định xuyên suốt cả năm 2012. Việc giữ ổn

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

định thị trường ngoại hối có thể xem là điểm cộng lớn nhất cho công tác điều hành chính sách tiền tệ năm 2012. Tuy nhiên với đặc thù nhập khẩu linh kiện để lắp ráp ở khâu đầu vào luôn chiếm một tỷ trọng lớn tại công ty ô tô Cửu Long nên sự biến động tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là USD/VNĐ vẫn là vấn đề lớn đối với Công ty TMT và được đặc biệt quan tâm.

- **Giải pháp:** Trong cả năm 2012 công ty đã vay ngoại tệ ở mức hợp lý, cùng với đó là thực hiện nghiệp vụ thả nổi tỷ giá tại tất cả các ngân hàng mà Công ty có giao dịch thanh toán bằng đồng USD khi mở hợp đồng ngoại. Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán phải theo sát tình hình biến động tỷ giá hàng ngày để có quyết định kịp thời nhất khi biến động tỷ giá xảy ra.

- **Kết quả:** Chi phí tài chính của Công ty giảm đáng kể so với năm trước. Chi phí lãi vay chỉ còn 8,88 tỷ đồng chi phí lãi vay giảm 59,6% so với 21,97 tỷ của năm 2011. Trong khi tỷ lệ giảm doanh thu 44,6% so với năm 2011 như vậy nếu tính tỷ lệ vốn vay trên doanh thu thì năm 2012 công ty giảm được khoản 15% chi phí vốn vay từ việc điều hành tỷ giá thả nổi.

c. Rủi ro về tín dụng

- **Bối cảnh chung:** Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ lãi tài chính của TMT nếu một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu từ đại lý của công ty. Rủi ro đến từ tiền gửi ngân hàng là không có. Còn rủi ro nữa đến từ các khoản đầu tư tài chính của công ty.

- **Giải pháp:** Ban Lãnh đạo công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng để kiểm soát vấn đề nợ của đại lý khá tốt. Cụ thể các đại lý muốn nhập xe để trưng bày đều phải đặt cọc trước 5% đến 10% giá trị xe, bên cạnh đó khi đại lý bán được xe thì phải chuyển ngay toàn bộ tiền hàng vào tài khoản công ty, lúc đó Công ty mới giao giấy tờ xe cho đại lý, cho khách hàng. Còn về vấn đề rủi ro đến từ việc đầu tư tài chính đều là các khoản đầu tư từ lâu, Công ty vẫn theo dõi và trích lập dự phòng giảm giá định kỳ. Bên cạnh đó Công ty đã chuẩn bị sẵn kịch bản để tái cấu trúc lại các danh mục đầu tư vào năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

d. Rủi ro về Quy trình kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị công ty.

- **Bối cảnh chung:** Năm 2012 Công ty TMT đã có nhiều quyết sách, Nghị quyết để cố gắng nâng cao việc kiểm soát nội bộ và từng bước chuẩn hóa quy trình quản trị Công ty. Nhưng do đặc thù khá phức tạp nhất là trong giai đoạn tiêu thụ sản phẩm giảm sút nghiêm trọng cũng đã xảy ra một vài sai sót trong quá trình thực hiện. Điều này cho thấy quy trình quản trị Công ty cũng chưa hoàn thiện. Quy trình kiểm soát còn nhiều lỗ hổng cần cải thiện và hoàn thiện trong thời gian tới.

- **Giải pháp:** Bên cạnh việc trích lập dự phòng cho các rủi ro liên quan đến tài chính, Hội đồng quản trị TMT đã chỉ đạo các bộ phận tiến hành soạn thảo, hoàn thiện lại các quy trình, quy định tiến gần tới các chuẩn mực về kiểm soát nội bộ.

e. Rủi ro về nhân sự

- **Bối cảnh chung:** Năm 2012 TMT có nhiều biến động về nhân sự, xuất phát từ việc phải cải cách, đổi mới công tác quản trị mới theo hướng tinh giảm và chuyên nghiệp tại từng vị trí. Bên cạnh đó, do nhu cầu của sự phát triển, đội ngũ nhân sự của Tập đoàn cũng luôn đứng trước yêu cầu nâng cao trình độ...

- **Giải pháp:** Công ty đã có những chính sách tuyển dụng nhân sự từ cấp trung cho đến cấp cao về nhằm rút ngắn quá trình quá độ và tiến nhánh đến việc hoàn thiện lại toàn bộ hệ thống quản trị Công ty với hiệu quả cao phù hợp với định hướng phát triển thời gian tới của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt hơn 5,03% (thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây), chỉ cao hơn so với tốc độ tăng trưởng 4,77% năm 1999 nhưng lại thấp hơn cả tốc độ tăng 5,32% năm 2009. Rõ ràng những bất ổn kinh tế vĩ mô tích tụ trong mấy năm gần đây đã buộc Việt Nam phải chuyển trọng tâm chính

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

sách từ ưu tiên tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát. Năm 2012 tổng cầu tiêu dùng tuy có cải thiện hơn so với năm 2011 nhưng vẫn tăng thấp hơn so với những năm trước. Hệ quả là mặc dù sản xuất công nghiệp chững lại với chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ tăng 5,9%, song do sức mua tăng chậm với chỉ số tiêu thụ hàng công nghiệp chế biến chế tạo chỉ tăng khoảng 3,6% nên chỉ số hàng tồn kho của nhóm hàng này tăng tới hơn 20,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong bối cảnh đó, Công ty TMT cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng, tuy nhiên với nền tảng sản xuất công nghiệp, lắp ráp lâu năm, ổn định. TMT đã đạt 448, 469 tỷ đồng tăng 63% so với kế hoạch và đạt lợi nhuận sau thuế chưa trừ lợi ích cổ đông thiểu số là 1.196 tỷ đồng.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2011	Kế hoạch 2012	Năm 2012	% Tăng trưởng	% Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng doanh thu	883.205	300.000	488.469	55%	163%
Lợi nhuận sau thuế	2.658	-	1.196	45%	

- Với chính sách kiểm chế lạm phát nhưng không chú trọng tới vấn đề tăng trưởng và người dân thắt chặt chi tiêu, đầu tư dẫn tới sản phẩm của công ty tiêu thụ chậm chính điều đó làm cho doanh thu công ty giảm 45% so với năm trước

- Tốc độ tăng giá linh kiện đầu vào trong khi giá bán không tăng thậm chí còn phải giảm giá để kích cầu người tiêu dùng đã dẫn tới lợi nhuận gộp giảm 7% đây chính là nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng và giảm sút so với năm 2011.

- Kế hoạch thu phí sử dụng đường bộ với mức thu từ 2,09 triệu đồng đến 16,76 triệu đồng/xe/năm. Bên cạnh đó là đề xuất thu phí hạn chế phương tiện giao thông cá nhân với mức thu lớn hơn rất nhiều, cao nhất lên đến 50 triệu đồng/xe/năm. Hai loại phí này, sau đó một được hoãn thực hiện đến đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

2013 chưa biết khi nào thu, mà mới đây nhất Bộ Tài chính đã có đề xuất không thu.

Có thể hình dung thị trường ô tô năm qua giống như một cơ thể vốn dĩ đang ốm yếu, sức đề kháng kém thì chỉ cần thêm một vài tác động tiêu cực, cơ thể đó có thể đi đến nguy cơ đột quỵ. Trong khi sản phẩm của công ty trong năm 2012 chỉ tập chung kinh doanh dòng xe tải của Trung Quốc. Do đó, khi gặp những khó khăn của nền kinh tế và những chính sách thiếu tác động tích cực đã làm cho doanh thu giảm sút nghiêm trọng.

- Công ty cũng chưa làm tốt công tác bán hàng và chưa xây dựng được chiến lược bán hàng, chưa nắm bắt kịp thời nhu cầu thị hiếu của thị trường để đưa ra các dòng sản phẩm phù hợp. Chi phí cho công tác bán hàng lớn nhưng kém hiệu quả.

2. Tổ chức nhân sự.

a. Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu CP tại 20/03/2013 (%)
1	Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	5226245	18.37%
2	Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám Đốc	3024120	10.63%
3	Đặng Văn Vinh	Phó Tổng Giám Đốc	241740	0.85%
4	Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám Đốc	35625	0.13%
5	Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám Đốc	30405	0.11%
6	Lâm Thị Hiền	Quản lý phòng kế toán	3	0.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

➤ **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều Hành**

✓ Ông **Bùi Văn Hữu**

✓ Sinh ngày: 16/04/1960

✓ Quê quán: Hồng Nam - TP Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên

✓ Nơi thường trú: Số 38 - Phù Đổng Thiên Vương - quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

✓ Trình độ: Cử nhân kinh tế

✓ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

✓ Ngày vào công ty: Tháng 9/1997.

✓ Quá trình công tác

- 1981 - 1984: công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Hải Hưng

- 1984 - 1987: Học Trường Đại Học Ngoại Thương

- 1987 - 1996: Công tác tại Công ty XNK Cung ứng vật tư thiết bị GTVT

- 1996 - 1997: Công tác tại Trung tâm thương mại và dịch vụ đầu tư Công ty xuất nhập khẩu hợp tác đầu tư GTVT

- 1997 – nay: Công tác tại Công ty cổ phần ô tô TMT

- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

✚ Ông **Bùi Quốc Công**

✓ Sinh ngày: 01/9/1972

✓ Quê quán: Hồng Nam - TP Hưng Yên - Hưng Yên

✓ Nơi thường trú: P406-CT5-ĐN2 khu đô thị Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội

✓ Trình độ: Cử nhân kinh tế

✓ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

✓ Ngày vào công ty: Năm 2002

✓ Quá trình công tác

- 1993 – 2002: Công tác tại Công ty Thương mại Tổng hợp Hưng yên

- 2002 – Đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần ô tô TMT

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - TP.Hà Nội

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

☛ Ông **Đặng Quang Vinh**

✓ Sinh ngày :10/03/1963

✓ Quê quán: Song An - Vũ Thư - Thái Bình

✓ Nơi thường trú: Số 9/461 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

✓ Trình độ: Cử nhân kinh tế

✓ Chức vụ: Tổng Giám đốc

✓ Ngày vào công ty: Tháng 9/1999

✓ Quá trình công tác

- 1986 – 1999: Cục Hải Quan thành phố Hải Phòng

- 1999 – 2001: Trợ lý Giám đốc Công ty Thương mại và Xuất khẩu vật tư thiết bị GTVT

- 2001 – 2006: Trưởng phòng XNK Công ty cổ phần ô tô TMT

- 2006 – 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

- 2009 – 2011: Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

- 2012- Đến nay: Phó Tổng giám đốc.

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

☛ Ông **Trịnh Xuân Nhâm**

✓ Sinh ngày: 12/3/1962

✓ Quê quán: Trịnh Xá - Bình Lục - Hà Nam

✓ Nơi thường trú: Số 6 hẻm 146/11/8 ngõ 146 Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

✓ Trình độ: Kỹ sư cơ khí ô tô

✓ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

✓ Ngày vào công ty: Tháng 8/2000

✓ Quá trình công tác

- 1983 - 1984: Kỹ sư Nhà máy ô tô 3/2

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- 1984 – 1987: Bộ đội, thượng úy, Trợ lý kỹ thuật xi nghiệp II - Cục vận tải
- 1987 – 2000: Kỹ sư Nhà máy ô tô 3/2
- 2000 – 2006: Giám đốc nhà máy ô tô Cửu Long – Công ty TM và Sản xuất vật tư thiết bị Bộ Giao Thông Vận Tải
- 2007 - đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

✚ **Ông Trần Văn Hà**

- ✓ Sinh ngày: 15/6/1959
- ✓ Quê quán: Thủ Sỹ - Tiên Lữ - Hưng Yên
- ✓ Nơi thường trú: Số 30, ngách 33, ngõ 554 - Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội
- ✓ Trình độ: Cử nhân kinh tế
- ✓ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- ✓ Ngày vào công ty: Tháng 10/2002
- ✓ Quá trình công tác
 - 1989 – 1990: Công tác tại Công ty thu mua hàng xuất khẩu Phù Tiên
 - 1990 – 1993: Trạm trưởng Trạm Đay xuất khẩu Phù Tiên
 - 1993 – 1997: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Hải Hưng
 - 1997 – 2002: Công tác tại Chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu Hưng yên tại Lạng Sơn
 - 2002 – Đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần ô tô TMT
 - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần ô tô TMT

✚ **Bà Lâm Thị Hiền**

- ✓ Sinh ngày: 14/06/1972
- ✓ Quê quán: Hải An, Tĩnh Gia, Thanh Hóa
- ✓ Nơi thường trú: P407, tổ 33, cum 6, Khu TT 242B Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ✓ Trình độ: Cử nhân kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- ✓ Chức vụ: Phó phòng tài chính – Phụ trách phòng Tài chính kế toán
- ✓ Ngày vào công ty: Tháng 5/2004
- ✓ Quá trình công tác:
 - 1998: KT tổng hợp Công ty xây dựng Ngân Hàng – Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - 2004: Công tác tại Công ty Cổ phần ô tô TMT

b. Những thay đổi trong ban điều hành

- Bỏ nhiệm cán bộ phụ trách phòng tài chính kế toán Công ty CP ô tô TMT đối với bà Lâm Thị Hiền từ ngày 20/08/2012 theo Quyết định số 595/QĐ-TMT-TCNS
- Chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám Đốc Tài chính Công ty CP ô tô TMT Bà Tạ Thị Hòa Bình từ ngày 20/08/2012 theo Quyết định số 593/QĐ-TMT-TCNS
- Bỏ nhiệm cán bộ phụ trách phòng tài chính kế toán Công ty CP ô tô TMT đối với bà Nguyễn Thị Thanh Nga từ ngày 18/07/2012 theo Quyết định số 522/QĐ-TMT-TCNS
- Chấm dứt hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP ô tô TMT ông Trần Văn Hà từ ngày 27/06/2012 theo Quyết định số 447/QĐ-TMT-TCNS
- Bỏ nhiệm trưởng ban kiểm soát Công ty CP ô tô TMT đối với bà Nguyễn Thị Bích Hạnh từ ngày 08/03/2012
- Bỏ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty CP ô tô TMT đối với ông Bùi Văn Hữu từ ngày 08/03/2012 theo Nghị quyết số 124/NQ-TMT-HDQT
- Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty CP ô tô TMT đối với ông Đặng Quang Vinh từ ngày 08/03/2012 theo Nghị quyết số 124/NQ-TMT-HDQT
- Bỏ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty CP ô tô TMT đối với ông Bùi Quốc Công từ ngày 08/03/2012 theo Nghị quyết số 124/NQ-TMT-HDQT

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

▪ Bỏ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty CP ô tô TMT đối với ông Trần Văn Hà từ ngày 08/03/2012 theo Nghị quyết số 124/NQ-TMT-HDQT

▪ Bỏ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty CP ô tô TMT đối với ông Trịnh Xuân Nhâm từ ngày 08/03/2012 theo Nghị quyết số 124/NQ-TMT-HDQT

c. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động:

➤ Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011: **440** người

Phân theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Trên đại học	5	1,14
Đại học	100	22,73
Cao đẳng	32	7,27
Trung cấp và công nhân nghề	286	65,00
Lao động phổ thông	17	3,86

➤ **Chính sách đối với người lao động:**

- Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch 5 năm sau lạm phát, Công ty đã và đang kiện toàn lại cơ cấu tổ chức nhân sự, tuyển chọn mới những nhân sự giỏi, có trình độ năng lực kinh nghiệm và đảm nhiệm những vị trí quản lý quan trọng. Đồng thời để thu hút và giữ những nhân sự giỏi, Công ty cũng đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn khẩn trương xây dựng quy chế trả lương mới, chính sách thưởng, đãi ngộ, phúc lợi gắn với năng lực và hiệu quả lao động. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

kỹ năng giải quyết công việc, kỹ năng giao tiếp... và xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho CBCNV.

- Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội. Tất cả cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng, đủ và kịp thời.

- Chính sách tiền thưởng: Người lao động được trả tiền thưởng theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty đã được Hội nghị người lao động thông qua. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Lương tháng 13, Tết dương lịch, Lễ 30/04, Lễ 2/9, tết Nguyên Đán.... Ngoài ra hàng tháng Công ty có thưởng đột xuất cho những CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc mang lại hiệu quả tốt cho sự phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

❖ Các khoản đầu tư lớn:

Tiếp tục Đầu tư Dây chuyền sơn ED và các công trình phụ trợ cho dây chuyền sơn ED trong tổng dự án Đầu tư mở rộng sản xuất, lắp ráp xe ô tô có tải trọng đến 15 tấn, nâng công suất nhà máy ô tô Cửu Long lên 10.000 xe/năm, và dự án mở rộng sản xuất, lắp ráp ô tô khách từ 12 đến 60 chỗ ngồi, ô tô chassi K22-24, K28-32, K46-60 với Quy mô công suất thiết kế 10.000 xe/năm. Hiện đã hoàn thiện 80% dự án đầu tư.

❖ Các công ty con.

- Công ty nắm giữ 54,17% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8: 10.833.330.000 đồng (54,17%)

- Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, Công ty: Công ty TNHH sản xuất lắp ráp ô tô TMT (0) đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (Đơn vị: đồng)	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu thuần	488,469,320,555	883,205,431,365	1,444,157,070,016
Giá vốn	442,110,525,064	786,863,313,936	1,264,749,525,832
Lợi nhuận gộp	46,358,795,491	96,342,117,429	179,407,544,184
Chi phí bán hàng	14,821,970,515	17,419,774,921	45,004,297,441
Chi phí quản lý	17,190,273,819	36,332,747,658	38,285,698,270
Lợi nhuận khác	3,763,563,336	1,059,017,809	10,625,927,050
EBIT	18,110,114,493	43,648,612,659	106,743,475,523
Chi phí khấu hao	9,447,315,880	11,954,951,748	8,392,187,447
EBITDA	27,557,430,373	55,603,564,407	115,135,662,970
Chi phí tài chính ròng	16,332,076,683	41,099,611,651	60,846,882,916
Lợi nhuận trước thuế	1,778,037,810	2,549,001,008	45,896,592,607
Thuế TNDN	581,897,427	(109,421,446)	2,868,797,327
Lợi nhuận sau thuế	1,196,140,383	2,658,422,454	43,027,795,280
Tài sản ngắn hạn	337,386,885,452	375,200,573,356	472,371,504,477
Hàng tồn kho	198,410,109,575	221,843,757,500	341,048,163,226
Tài sản dài hạn	269,149,477,960	258,789,191,183	238,517,818,336
Tổng tài sản	606,536,363,412	633,989,764,539	710,889,322,813
Tổng nợ ngắn hạn	267,417,474,008	271,969,015,649	341,306,364,321
Tổng nợ dài hạn	10,500,850,455	23,407,170,394	39,410,663,043
Vốn chủ sở hữu	314,347,723,295	324,155,168,580	355,388,667,019
Chỉ số tài chính			
Tỷ suất lợi nhuận gộp (ROS)	9%	11%	12%
Tỷ suất EBITDA	6%	6%	8%
Tỷ suất EBIT	4%	5%	7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	0%	0%	3%
Tăng trưởng doanh thu thuần	-45%	-39%	-24%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-55%	-94%	-98%

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

Chỉ số thanh toán ngắn hạn	126%	138%	138%
Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	52%	56%	38%
Vòng quay hàng tồn kho	210%	280%	742%
Vòng quay tổng tài sản	81%	139%	203%
Nợ vay trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	6%	13%	60%
Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)	3%	6%	30%
EPS	7	55	1,538

5. Cơ cấu cổ đông , thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ Cổ phần

- Tổng số cổ phần :28.450.236 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 28.040.536 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chuyển nhượng: không có

❖ Cơ cấu cổ đông

• Cổ đông trong nước:

- Cơ cấu cổ đông trong nước:

➤ Cá nhân:

Số cổ đông: 331

Số cổ phiếu: 17.132.812 cổ phiếu

Tỷ lệ: 60,22%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 27

Số cổ phiếu: 10.557.962 cổ phiếu

Tỷ lệ: 37,11%

- Các cổ đông cá nhân lớn:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

Nội dung	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Bùi Quốc Công	P406, Nhà CT5 Đơn Nguyên, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	3.024.120	10.63%
Bùi Văn Hữu	Số 38, Phù Đổng Thiên Vương, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	5.226.245	18.37%
Bùi Văn Kiên	Số 6, Ngõ 107/10, Hoàng Mai, Hà Nội	1.974.900	6.94%
Lê Tiến Phan	Số 19, Ngõ 312, Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.504.630	5.29%
Phạm Văn Hồng	Tập thể ô tô 3/2 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	1.038.345	3.65%
Nguyễn Vĩnh Lập	Tổ An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	929.870	3.27%
Trịnh Bình Dương	Số 289 Tô Hiệu, TP.Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	1.002.245	3.52%
Tổng cộng		14.700.355	51.67%

- Các cổ đông tổ chức lớn:

➤ Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI

Địa chỉ: Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

Số lượng cổ phiếu: 2.499.520 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 8.79%

➤ Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam

Địa chỉ: Số 120 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

Số lượng cổ phiếu: 6.128.062 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 21,54%

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

• Cổ đông nước ngoài:

- Cơ cấu cổ đông nước ngoài:

➤ Cá nhân:

Số cổ đông: 16

Số cổ phiếu: 38.287 cổ phiếu

Tỷ lệ: 0.13%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 5

Số cổ phiếu: 311.475 cổ phiếu

Tỷ lệ: 1.09%

- Các cổ đông lớn: không.

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 409.700 cổ phiếu

- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Trong năm công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

❖ Các chứng khoán khác:

Trong năm không có phát hành các chứng khoán khác

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thuận lợi:**

- Công ty đã có hệ thống mạng lưới tiêu thụ cấp I đạt tiêu chuẩn 4S ở trên 40 tỉnh, thành và đang tích cực triển khai hoàn thiện hệ thống đại lý đạt tiêu chuẩn 4S rộng khắp các tỉnh, thành trong toàn quốc.

- Thương hiệu TMT, Cửu Long đã được Công ty đẩy công xây dựng trong nhiều năm đã ngày càng có uy tín trên thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - TP.Hà Nội

- Công ty đã có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề có kinh nghiệm sản xuất, lắp ráp các loại xe ô tô tải và ô tô khách.

❖ **Khó khăn:**

- Một số loại xe nhập khẩu từ năm 2009 - 2011 vẫn còn tồn dẫn đến phát sinh nhiều chi phí tài chính nên rất khó khăn trong việc tiêu thụ do kém cạnh tranh về giá và đời xe; đồng thời tạo áp lực rất lớn cho Công ty về tính thanh khoản, trả nợ Ngân hàng.

- Lạm phát, suy thoái, khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2012 ngày càng cao, sức mua giảm sút, các dự án công trình bị dừng thi công hoặc dẫn tiến độ, đặc biệt là thị trường bất động sản bị đóng băng nên nhu cầu mua các loại xe tải rất hạn chế.

- Một số đại lý bán xe ô tô Cửu Long gặp khó khăn về tài chính do đầu tư vào bất động sản nên đã chiếm dụng vốn của Công ty, không tập trung bán xe dẫn đến thị trường bị bỏ ngỏ, thị phần và sản lượng tiêu thụ bị giảm sút.

- Việc thắt chặt tín dụng của các Ngân hàng thương mại để tránh nợ xấu cũng đã ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ xe.

- Giá linh kiện vật tư nhập khẩu và nội địa hóa tăng làm giá thành sản phẩm tăng nhưng giá bán sản phẩm không tăng được vì thị trường tiêu thụ yếu.

- Cạnh tranh gay gắt trong việc tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm của các nhà sản xuất nhỏ như Hoa Mai, Chiến Thắng và thậm chí cả với xe ô tô Cửu Long cũ của các khách hàng đã mua xe khai thác, sử dụng nhưng đến nay không có việc làm nên phải bán tháo trả nợ Ngân hàng.

- Bộ máy quản lý, điều hành các Phòng ban, đơn vị trực thuộc còn thiếu và yếu lại thường xuyên thay đổi nên năng lực, hiệu quả điều hành chưa cao.

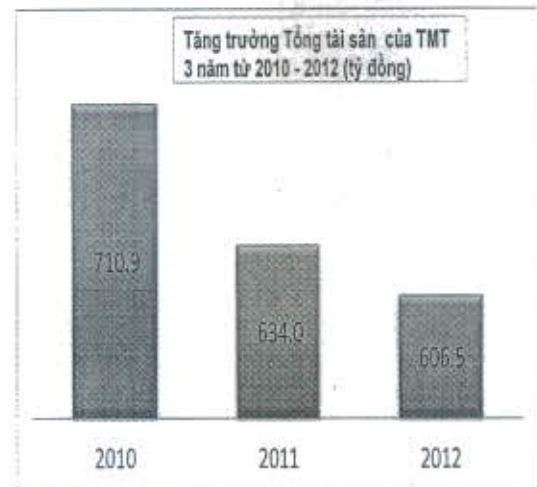
2. Tình hình tài chính

10010
ÔNG
Ô P
Ô T
T M
4 TRUN

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

2.1. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản của Công ty CP ô tô TMT tại 31/12/2012 đạt 606,5 tỷ đồng. So với năm 2011, tổng tài sản giảm 27,45 tỷ tương đương 4%, trong đó tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2012 lại tăng 10,3 tỷ tăng 4%, tài sản ngắn hạn giảm 37,8 tỷ giảm 10%. Nguyên nhân là năm 2010 công ty đã



thực hiện chính sách giảm tồn kho tại Nhà máy sản xuất. Giá trị tồn kho qua các năm đều giảm trên tổng tài sản cụ thể năm 2010 giá trị tồn kho chiếm 47,9%, năm 2011 là 35% đến năm 2012 giá trị chỉ còn 32,7% vì Công ty đang thực hiện quản trị sản xuất theo đơn đặt hàng để đối phó với tình hình lãi suất cao trong khi lượng tiêu thụ hằng tháng giảm do sức mua của người tiêu dùng giảm.

- Tại ngày 31/12/2012, vốn chủ sở hữu là 314 tỷ đồng giảm 9,8 tỷ tương ứng với 3% so với năm 2011. Nguyên nhân là trong quý 4 Công ty phải sát toán quỹ dự phòng tài chính bù đắp cho những thiệt hại từ việc đã xảy ra trong quá trình kinh doanh

- Những khó khăn của nền kinh tế cũng ảnh hưởng tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của TMT. Chỉ số tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều sụt giảm so với năm 2011. ROA của năm 2012 đạt 3% so với mức 6% của năm 2011, chỉ số ROE cũng giảm xuống 6% so với mức 13% năm 2011.

- Do trong năm 2012 doanh thu của công ty giảm 45% và lợi nhuận giảm 59% so với năm 2011. Hệ số vòng quay hàng tồn kho và tài sản đều giảm. Nhưng vấn đề này sẽ được khắc phục khi công ty thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt hơn, doanh thu tăng kết hợp với việc kiểm soát tiết giảm chi phí trong giá thành.

2.2. Tình hình nợ phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

Chi tiêu	2012	2011	2010
Hệ số vay nợ ngân hàng	0.67	0.61	0.67
Hệ số nợ phải trả	0.88	0.91	1.07

Tổng nợ phải tại 31/12/2012 là 277 tỷ giảm 18 tỷ tương đương 6% so với năm 2011. Có được điều này là trong năm công ty đã thanh toán giảm 13 tỷ nợ dài hạn của dự án trung hạn khi đầu tư mở rộng nâng công suất lắp ráp nhà máy lên 20.000 xe/năm các loại. hệ số nợ vay ngân hàng trên vốn chủ sở hữu và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,67 và 0,88. So với hệ số vay nợ ở mức trung bình ngày sản xuất công nghiệp chế tạo ô tô thì hệ số vay nợ của TMT đang ở mức an toàn và cho thấy khả năng tài chính luôn đảm bảo để duy trì hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Chính sách điều tiết của nhà nước chưa tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận các nguồn vốn vay với lãi suất thấp. Trong năm công ty vẫn phải vay với lãi suất khá cao từ 12% đến 14%. Nếu tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất 8% đến 10% thì gánh nặng chi phí về lãi vay phải trả sẽ giảm đi rất nhiều và Công ty sẽ có kết quả cuối năm tốt hơn.

2.3. Hệ số khả năng thanh toán



Năm 2012, các hệ số thanh toán của Công ty TMT thay đổi cũng không nhiều so với năm 2011, Khả năng thanh toán hiện thời ở mức 1,26 lần và khả

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

năng thành toán nhanh là 0,52 lần cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và nó cũng cho thấy tình hình tài chính hoàn toàn khả quan.

Chỉ tiêu	2012	2011	2010
Chỉ số thanh toán ngắn hạn (%)	1.26	1.38	1.38
Chỉ số thanh toán nhanh (%)	0.52	0.56	0.38

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Duy trì và ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đặt tiêu chí hiệu quả trong hoạt động kinh doanh lên hàng đầu.

- Tiếp tục lộ trình Tái cấu trúc doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đổi mới cơ chế quản lý. Nâng cao năng lực cạnh tranh. Quản lý và sử dụng tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của Công ty. Phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt, tập trung vào các lợi thế của Công ty.

- Công ty chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

Năm 2013 dự báo tình hình kinh tế trong nước sẽ còn nhiều khó khăn, chưa đựng nhiều bất ổn. Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách về kiểm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công, thắt chặt chính sách tiền tệ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, sức mua của thị trường bị giảm sút.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Hàng loạt các dự án công trình bị dừng thi công hoặc dẫn tiến độ, đặc biệt là thị trường bất động sản bị đóng băng nên nhu cầu mua các loại xe ô tô rất hạn chế.

- Việc thắt chặt tín dụng của các Ngân hàng thương mại để tránh nợ xấu cũng đã ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ xe tại thị trường ô tô Việt Nam trong thời gian tới.

- Lạm phát tăng dẫn đến chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí sản xuất tăng dẫn đến giá thành sản phẩm tăng nhưng giá bán sản phẩm không tăng được vì thị trường tiêu thụ yếu.

- Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ô tô thay đổi nhanh và ngày càng khắt khe vì có nhiều sự lựa chọn.

- Tỷ giá USD/VND thường xuyên biến động tăng gây khó khăn cho việc nhập khẩu linh kiện, phụ tùng.

4.2.Định hướng phát triển 2013.

- Mở mang thêm ngành nghề, thay đổi cơ cấu sản phẩm, phát triển kinh doanh thương mại các loại xe ô tô thương hiệu toàn cầu dạng CBU (nguyên chiếc) để quảng bá, tiếp thị cho các sản phẩm CKD lắp ráp trong thời gian tới.

- Nhanh chóng đàm phán, ký kết với các hãng sản xuất xe ô tô thương hiệu toàn cầu để được ủy quyền nhập khẩu xe CBU, làm dịch vụ bảo hành và chuyển giao công nghệ sản xuất, lắp ráp xe dạng CKD.

- Hoàn thiện việc đầu tư xây dựng, lắp đặt dây chuyền sơn điện ly tại Nhà máy ô tô Cửu Long trong quý II năm 2013 để đưa vào vận hành phục vụ cho kế hoạch nâng cấp sản phẩm và phát triển các chủng loại xe mới của Công ty.

- Tái cấu trúc, sắp xếp bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất của Công ty cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng cường khả năng cạnh tranh, phát huy được năng lực chuyên môn của Cán bộ công nhân viên, Xây dựng tiêu chuẩn thang bảng lương mới phù hợp, chú trọng đội ngũ cán bộ quản

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

lý, kỹ thuật có trình độ đại học, trên đại học, tạo điều kiện để người lao động phát huy khả năng, năng lực, đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Tạo điều kiện, cơ chế thuận lợi để các đơn vị trực thuộc nâng cao tính tự chủ, năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy những lợi thế của đơn vị để phát triển. Các Giám đốc Công ty trực thuộc phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và lãnh đạo Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng cơ chế quản lý thích hợp về tài chính, nhân sự để thường xuyên định kỳ giám sát và soát xét hoạt động của các đơn vị, đảm bảo việc kinh doanh có hiệu quả.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Tỷ lệ 2013 so với 2012
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu đồng	388.685	732.465	188,44%
2	Sản lượng xe tiêu thụ	Chiếc	1.316	2.000	152,0%
	<i>Trong đó:</i>				
A	Xe Cừu Long các loại	Chiếc	1.314	1.500	114,1%
B	Các loại xe khác	Chiếc	2	500	25.000,0%
3	Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	582.009	812.595	139,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.778	5.266	296,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	192,57	3.950	2.036,0%
7	Chia lãi cổ tức: 0%	Triệu đồng	0	0	
8	Lợi nhuận chưa phân phối	Triệu đồng	163,68	3.950	2,055.7%

4.4. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội khác:

- Đảm bảo thu nhập bình quân đầu người năm 2013 là 5.500.000 đồng/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Đảm bảo tất cả mọi người lao động đều được đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đúng quy định của Nhà nước cũng như mọi chế độ khác mà Công ty hiện đang áp dụng như: Nghỉ phép, nghỉ sinh con, nghỉ ốm...vv.

- Tạo môi trường làm việc tốt để CBCNV phát huy hết năng lực của mình đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Làm tốt công tác từ thiện xã hội để quảng bá và nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về mặt hoạt động của Công ty

- Trong tình hình kinh tế 2012 tuy gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, đây là một thành công lớn, thể hiện sự quan lý điều hành linh hoạt trong đường lối, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo tính thanh khoản, trả nợ đúng hạn, giữ hạng tín dụng, uy tín với Ngân hàng để được hưởng lãi suất vay ưu đãi và tạo đà cho các năm tiếp theo.

- Công tác quản lý linh kiện vật tư của Nhà máy đã được cải thiện và nâng cao nên không còn tình trạng hàng hoá bừa bãi, hư hỏng, xuống cấp do bảo quản.

- Việc thắt chặt tăng trưởng tín dụng và kiểm soát chặt việc giải ngân của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước làm cho người dân không vay được vốn để mua xe nên sản lượng tiêu thụ giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2011.

- Lao động dôi dư của Nhà máy chưa được sắp xếp, cắt giảm phù hợp, kịp thời nên đã phát sinh nhiều chi phí tiền lương bất hợp lý. Số lao động bị cắt giảm, chấm dứt hợp đồng lao động trong năm 2012 tương đối nhiều và phải trả trợ cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

thời việc theo quy định của Bộ luật Lao động nên đã làm tăng thêm chi phí tài chính trong năm 2012.

2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Với nhận thức năm 2012 là năm hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nên ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đưa ra các biện pháp kích cầu phù hợp và tập trung toàn lực cho công tác bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh trong tháng 3,4/2012 tương đối khả quan nhưng từ tháng 5/2012 thị trường tiêu thụ gần như đóng băng do đó kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 tương đối thấp:

- Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đầy đủ thông tin, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

- Qua quá trình kiểm tra giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các giải pháp tích cực để tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nhưng hiệu quả chưa cao.

- Khi gặp khó khăn vướng mắc ngoài thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã kịp thời báo cáo trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị để chỉ đạo góp ý những giải pháp cụ thể tháo gỡ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2011-2015 nên Chính phủ đã có Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và Bộ Tài chính đã có Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 về việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

Tuy nhiên năm 2013 được đánh giá là năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì vậy Hội đồng quản trị sẽ phải nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản trị Công ty và công tác giám sát, kiểm tra nhằm động viên, hỗ trợ và đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực, sử dụng hợp lý nguồn vốn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất – kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị hiệu quả, động viên toàn thể CBCNV cố gắng hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ do Đại hội cổ đông đề ra.

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo kiên quyết chấn chỉnh các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám sát thực hiện đúng tiến độ các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như :

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Tỷ lệ 2013 so với 2012
1	Sản lượng xe tiêu thụ	Chiếc	1.316	2.000	152,0%
	<i>Trong đó:</i>				
a	<i>Xe Cừu Long các loại</i>	Chiếc	1.314	1.500	114,5%
b	<i>Các loại xe khác</i>	Chiếc	2	500	25.000,0%
2	Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	582.009	812.595	139,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.778	5.266	296,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	192,57	3.950	2.036,0%

- Hoàn thiện dây chuyền sơn điện ly (ED) trong quý II/2013 để kịp thời đưa vào hoạt động đầu quý III/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Chuyển nhượng khu đất 156.321m² thuộc địa bàn xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang và xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên hoặc trả lại tỉnh Hưng Yên để thu hồi vốn.

- Làm thủ tục xin UBND tỉnh Hưng Yên cấp thêm khu đất khoảng 20ha của cảng cạn liền kề Nhà máy ô tô Cửu Long để mở rộng sản xuất khi triển khai hợp tác toàn diện với Tập đoàn Tata.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng và khai thác có hiệu quả 1.300m² đất tại 83 Triều Khúc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu TMT		Tỷ lệ (%)	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân	Đại diện	Sở hữu cá nhân
1	Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT	6.128.062*	5.226.245	21,54	18,37
2	Đặng Quang Vinh	Thành viên HĐQT		241.740		0,85
3	Lê Văn Phiến	Thành viên HĐQT		129.195		0,45
4	Bùi Quốc Công	Thành viên HĐQT		3.024.120		10,63
5	Lê Tiến Phan	Thành viên HĐQT		1.504.630		5,29
6	Đỗ Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT				
7	Phạm Văn Hồng	Thành viên HĐQT		1.038.345		3,65

* Số lượng cổ phiếu do Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện là số cổ phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Việt Nam do ông Bùi Văn Hữu là đại diện vốn Nhà nước của Tổng Công ty Công nghiệp Việt Nam tại Công ty Cổ phần ô tô TMT.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty sử dụng các phòng ban trong bộ máy điều hành, chưa thành lập các tiểu ban trong HĐQT để giúp việc độc lập. Hướng tới HĐQT sẽ phân công các

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

thành viên HĐQT độc lập không điều hành phụ trách các mặt công tác khen thưởng, nhân sự và phát triển doanh nghiệp

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, giám sát và đôn đốc Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 giao cho như sau:

❖ **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012:**

Với nhận thức năm 2012 là năm hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nên ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đưa ra các biện pháp kích cầu phù hợp và tập trung toàn lực cho công tác bán hàng nên kết quả SXKD trong tháng 3,4/2012 tương đối khả quan nhưng từ tháng 5/2012 thị trường tiêu thụ gần như đóng băng do đó kết quả SXKD năm 2012 tương đối thấp

Trong điều kiện nền kinh tế đất nước, khu vực và thế giới đang trong tình trạng suy giảm, khủng hoảng và lạm phát tăng cao thì việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2012 là rất khó khăn nhưng Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra chủ trương, biện pháp linh hoạt để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thu nhập cho người lao động, đồng thời tích cực nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác, xây dựng cơ sở hạ tầng, ... nhằm đón bắt kịp thời cơ hội mới trong và sau thời kỳ lạm phát. Mặc dù kết quả SXKD năm 2012 còn thấp nhưng Công ty đã duy trì được hoạt động SXKD, giữ vững được bộ máy tổ chức cán bộ, đảm bảo thu nhập cho người lao động, trả nợ đúng hạn, giữ hạng tín dụng, uy tín với Ngân hàng để được hưởng lãi suất vay ưu đãi và tạo đà cho các năm tiếp theo. Mặt khác, Công ty đã chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng cho việc sản xuất, lắp ráp xe du lịch, xe bus và đang trong quá trình lựa chọn đối tác có thương hiệu toàn cầu, công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường để hợp tác sản xuất, kinh doanh trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

Trong năm Hội đồng quản trị đã thường xuyên và định kỳ thực hiện việc kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong hoạt động điều hành, hoạt động tài chính, chấp hành Điều lệ Công ty, quy chế, nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị, Chấp hành luật pháp của Nhà nước. Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ các giao dịch cầu cổ đông lớn và đặc biệt là các thành viên trong ban lãnh đạo Công ty, thông qua việc thực hiện công bố thông tin, đã góp phần nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước các cổ đông, tạo điều kiện cho các cổ đông trong việc giám sát Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 02/3/2012.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, đồng thời cũng đề ra phương hướng, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm góp phần đưa Công ty phát triển đúng định hướng.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu TMT		Tỷ lệ (%)	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân	Đại diện	Sở hữu cá nhân
1	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên Ban KS		11.967		0,04
2	Nguyễn Việt Long	Thành viên Ban KS		9.007		0,03
3	Nguyễn Ngọc Kiến	Thành viên Ban KS		15.202		0,05

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, cụ thể là:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- Ban kiểm soát đã họp định kỳ và đột xuất để thông báo các biên bản Hội đồng quản trị họp trong khóa, xem xét báo cáo tài chính, trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, xem xét việc chấp hành pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

- Tham gia trực tiếp công tác kiểm kê tài sản Công ty năm 2012, đóng góp các ý kiến cho Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc về quản lý tài sản vật tư sau khi hoàn thành công tác kiểm kê.

- Ngoài ra Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ khác khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty và đề xuất của Ban Tổng giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2012, Công ty đã chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát số tiền là 488,55 triệu đồng, bằng 32,5% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

thông thường niên thông năm 2012 thông qua là 1,5 tỷ đồng. Sở dĩ tổng mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực tế năm 2012 thấp hơn so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là do nền kinh tế năm 2012 khủng hoảng dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty thấp nên Hội đồng quản đã chủ động giảm mức thù lao để chia sẻ khó khăn cùng Công ty

b. Giao dịch cổ phiếu của hội đồng nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %	
01	Phạm Văn Hồng	Ủy viên HĐQT	1.038.345	3,65	1.038.345	3,65	Cơ cấu danh mục đầu tư
02	Công ty CP Hợp Thành	Chủ tịch HĐQT Công ty Hợp Thành là ông Đỗ Mạnh Tuấn - Ủy Viên HĐQT	615.625	2,16	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân
03	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ ông Đỗ Mạnh Tuấn - Ủy Viên HĐQT)	64.750	0,22	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân
04	Đỗ Mạnh Tuấn	Cổ đông nội bộ (Ủy viên HĐQT)	24.360	0,08	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân
05	Trần Văn Hà	Cổ đông nội bộ (Ủy viên HĐQT)	140.505	0,49	80.505	0,28	Nhu cầu tài chính cá nhân
06	Lê Tiến Phan	Cổ đông nội bộ (Ủy viên HĐQT)	2.304.630	8,10	1.504.630	5,29	Nhu cầu tài chính cá nhân
07	Đặng Quang Vinh	P.Tổng giám đốc (Ủy viên HĐQT)	296.540	1,04	276.540	0,97	Nhu cầu tài chính cá nhân
08	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	21.967	0,08	11,927	0,04	Nhu cầu tài chính cá nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

09	Bùi Văn Hữu	Cổ đông nội bộ (Chủ tịch HĐQT)	4.335.645	15,24	4.365.005	15,34	Tăng số cổ phần nắm giữ
10	Bùi Văn Hữu	Cổ đông nội bộ (Chủ tịch HĐQT)	4.365.005	15,34	5.365.005	18,86	Tăng số cổ phần nắm giữ
11	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	2.262.920	8.07	2499520	8.91	Cơ cấu danh mục đầu tư

(01) Số lượng cổ phiếu ông Phạm Văn Hồng đã mua: Không

Số lượng cổ phiếu ông Phạm Văn Hồng đã bán: Không

Nguyên nhân không thực hiện hết số lượng đã đăng ký mua: do diễn biến thị trường không thuận lợi.

(02) Số lượng cổ phiếu Công ty cổ phần hợp thành đã bán: 615.625 CP

(03) Số lượng cổ phiếu bà Nguyễn Thị Thu Hương đã bán: 64.750 CP

(04) Số lượng cổ phiếu ông Đỗ Mạnh Tuấn đã bán: 24.360CP

(05) Số lượng cổ phiếu ông Trần Văn Hà đã bán: 60.000CP

(06) Số lượng cổ phiếu ông Lê Tiên Phan đã bán: 800.000CP

(07) Số lượng cổ phiếu ông Đặng Quang Vinh đã bán: 20.000CP

(08) Số lượng cổ phiếu bà Nguyễn Thị Bích Hạnh đã bán: 10.000 CP

Nguyên nhân thực hiện bán số lượng cổ phiếu đã đăng ký: Do nhu cầu tài chính cá nhân

(09) Số lượng cổ phiếu ông Bùi Văn Hữu đăng ký mua: 500.000 CP

Số lượng cổ phiếu ông Bùi Văn Hữu đã mua: : 29.360 CP

Số lượng cổ phiếu Ông Bùi Văn Hữu đã bán : Không

Nguyên nhân không thực hiện hết số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Do diễn biến thị trường không thuận lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

(10) Số lượng cổ ông Bùi Văn Hữu đăng ký mua: 1.000.000 CP

Số lượng cổ phiếu ông Bùi Văn Hữu đã mua: 861.240 CP

Số lượng cổ phiếu Ông Bùi Văn Hữu đã bán : Không

Nguyên nhân không thực hiện hết số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Do diễn biến thị trường không thuận lợi.

(11) Số lượng cổ phiếu SSIAM đăng ký mua: 1.000.000 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu SSIAM đăng ký bán: 1.000.000 Cổ Phiếu

Số lượng cổ phiếu SSIAM đã mua: 236.600 CP

Số lượng cổ phiếu SSIAM đã bán: không

Nguyên nhân không thực hiện hết số lượng đã đăng ký: Do biến động giá của thị trường không phù hợp.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2012 không có thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện việc quản lý và quản trị công khai, dân chủ và minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị 6 tháng, năm và thường niên. Các báo cáo kiểm toán đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Hà nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh
- <http://www.cuulongmotor.com>
- Lưu; VPCT, HĐQT, BKS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hữu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT



AIS
31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043. 6320282

Fax: 043. 6339048

Mục lục	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043. 6320282

Fax: 043. 6339048

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được chuyển đổi hình thức sở hữu theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103014956 lần đầu ngày 14/12/2006 và thay đổi lần thứ tám theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0100104563 ngày 16/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: **284.502.360.000 đồng** (Hai trăm tám mươi tư tỷ năm trăm linh hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.).

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là sản xuất, lắp ráp các loại xe ô tô tải.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện thiết bị cơ khí, giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh, đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng trang trí nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông, lâm, thổ sản, hải sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa (trừ loại Nhà nước cấm);
- Đại lý xăng dầu, nhiên liệu;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động kinh có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành các loại xe ba bánh gắn máy;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043. 6320282

Fax: 043. 6339048

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)

- Thu gom, phân loại, tái chế, đóng gói, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, phế liệu công nghiệp, phế thải công nghiệp (Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);
- Mua bán, phân loại, tái chế, đóng gói, vận chuyển, tiêu thụ các sản phẩm bằng kim loại, gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm), cao su phế liệu và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ.

Mã chứng khoán niêm yết: TMT.

Trụ sở chính: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên	
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/9/2012
Ông Lê Văn Phiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/9/2012
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Trưởng phòng Tài chính - kế toán

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Việt Long	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24/9/2012
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 24/9/2012
Ông Nguyễn Ngọc Kiến	Thành viên Ban kiểm soát	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày từ trang 05 đến 32 kèm theo.

6. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

8. Xác nhận

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quản điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc *Nhu*





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 120638 /BCHN- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Ô tô TMT

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 23/02/2013 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**



Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

Lê Thanh Duy
Chứng chỉ KTV số: 1493/KTV

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng
Representative in Cần Thơ: 5B, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City
Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn
Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aiscct@dn.vnn.vn
Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765
Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.386.885.452	375.200.573.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.050.369.965	9.113.369.450
1. Tiền	111	V.1	14.047.804.047	6.666.823.997
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.002.565.918	2.446.545.453
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.325.093.273	1.325.093.273
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.325.093.273	1.325.093.273
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu	130		102.030.265.882	122.875.367.154
1. Phải thu khách hàng	131		79.949.680.161	95.871.850.768
2. Trả trước cho người bán	132		9.461.073.224	19.868.661.826
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	13.156.557.018	7.134.854.560
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(537.044.521)	0
IV. Hàng tồn kho	140		198.410.109.575	221.843.757.500
1. Hàng tồn kho	141	V.4	198.410.109.575	221.843.757.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.571.046.757	20.042.985.979
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		924.095.148	476.964.051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.369.129.084	1.966.158.691
3. Các khoản thuế phải thu	153	V.5	4.665.514.453	3.804.193.988
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.612.308.072	13.795.669.249
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.149.477.960	258.789.191.183
II. Tài sản cố định	220		262.312.607.141	251.971.484.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	51.344.421.750	60.342.413.957
<i>Nguyên giá</i>	222		148.865.082.026	148.836.736.329
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.520.660.276)	(88.494.322.372)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.170.729.203	16.591.707.179
- <i>Nguyên giá</i>	228		19.529.195.399	19.529.195.399
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.358.466.196)	(2.937.488.220)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	194.797.456.188	175.037.362.874
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V. 13	3.897.765.200	3.490.902.800
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	2.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.836.540.143	3.586.540.143
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.938.774.943)	(2.345.637.343)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.984.267.489	3.232.432.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.882.217.489	3.232.432.823
3. Tài sản dài hạn khác	268		102.050.000	0
VI. Lợi thế thương mại	269		(45.161.870)	94.371.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		606.536.363.412	633.989.764.539

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.918.324.463	295.376.186.043
I. Nợ ngắn hạn	310		267.417.474.008	271.969.015.649
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	208.298.415.855	175.548.950.238
2. Phải trả người bán	312		38.044.262.884	42.956.398.807
3. Người mua trả tiền trước	313		4.653.931.101	13.391.237.130
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.985.202.989	15.470.860.297
5. Phải trả người lao động	315		802.218.279	1.931.828.807
6. Chi phí phải trả	316	V.17	870.835.063	1.705.537.497
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.689.494.967	11.959.994.794
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		73.112.870	9.004.208.079
II. Nợ dài hạn	330		10.500.850.455	23.407.170.394
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.928.366.305	302.456.305
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2.135.000.000	22.402.271.046
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	393.036.150	407.781.927
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	250.261.116
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		44.448.000	44.400.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.347.723.295	324.155.168.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	314.347.723.295	324.155.168.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		284.502.360.000	284.502.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.845.370.833	24.845.370.833
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	405.478.562
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		806.390.333	907.514.335
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		130.835.807	10.575.786.873
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.260.529.582	11.599.647.624
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		14.270.315.654	14.458.409.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		606.536.363.412	633.989.764.539

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		11.169.734.400	0

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng *Nhu*

Tổng giám đốc



Lâm Thị Hiền



Lâm Thị Hiền



Bùi Văn Hữu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	582.009.248.733	886.530.559.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		93.539.928.178	3.325.128.316
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	488.469.320.555	883.205.431.365
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	442.110.525.064	786.863.313.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.358.795.491	96.342.117.429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.955.745.278	15.858.669.957
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	16.332.076.683	41.099.611.651
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.887.959.682	21.972.137.870
8. Chi phí bán hàng	24		14.821.970.515	17.419.774.921
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.190.273.819	36.332.747.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.780.248)	17.348.653.156
11. Thu nhập khác	31		6.408.890.840	2.834.417.464
12. Chi phí khác	32		4.601.072.782	17.634.069.612
13. Lợi nhuận khác	40		1.807.818.058	(14.799.652.148)
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.778.037.810	2.549.001.008
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	596.643.204	(244.566.617)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	(14.745.777)	135.145.171
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.196.140.383	2.658.422.454
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.003.572.839	1.103.465.961
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	62		192.567.544	1.554.956.493
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	6,87	55,45

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng *Minh*

Tổng Giám đốc



Lâm Thị Hiền

Lâm Thị Hiền

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: đ

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	639.199.956.053	908.165.257.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(443.844.152.479)	(604.217.948.674)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.561.730.480)	(50.307.215.940)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.032.968.735)	(21.744.389.486)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(551.056.172)	(2.301.488.905)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	29.742.996.782	96.806.454.752
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(176.794.959.072)	(260.222.298.099)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.158.085.897	66.178.371.225
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(20.526.193.950)	(34.693.920.058)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	230.000.000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.200.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	2.700.000.000	3.184.426.727
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.901.882.531	5.401.098.350
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.894.311.419)	(26.108.394.981)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	(951.909.841)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	389.665.300.294	901.427.422.145
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(353.892.073.857)	(940.600.936.523)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.100.000.400)	(30.844.589.600)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	34.673.226.037	(70.970.013.819)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.937.000.515	(30.900.037.575)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.113.369.450	40.006.213.907
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>0</i>	<i>7.193.118</i>
Tiền tồn cuối kỳ	70	18.050.369.965	9.113.369.450

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lâm Thị Hiền

Lâm Thị Hiền

Bùi Văn Hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Thành lập:

Tên tiếng anh: Cuu Long motor corporation.

Tên viết tắt: TMT.

Trụ sở chính: Số 199B - Phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Chi nhánh Hưng Yên: Xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Xa lộ Hà Nội, xã Bình Thẳng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được chuyển đổi hình thức sở hữu theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103014956 lần đầu ngày 14/12/2006 và thay đổi lần thứ tám theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0100104563 ngày 16/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty là **284.502.360.000 đồng** (Hai trăm tám mươi tư tỷ năm trăm linh hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

3- Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh ô tô tải.

4- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện thiết bị cơ khí, giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh, đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng trang trí nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông, lâm, thổ sản, hải sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa (trừ loại Nhà nước cấm);
- Đại lý xăng dầu, nhiên liệu;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động kinh có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành các loại xe ba bánh gắn máy;
- Thu gom, phân loại, tái chế, đóng gói, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, phế liệu công nghiệp, phế thải công nghiệp (Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);
- Mua bán, phân loại, tái chế, đóng gói, vận chuyển, tiêu thụ các sản phẩm bằng kim loại, gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm), cao su phế liệu và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ.

5. Công ty con:

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty Cổ phần Ô tô TMT" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết của Công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con: hai (02) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: hai (02) Công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không (0) Công ty.

Danh sách công ty con được hợp nhất

- Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT:

Trụ sở: Thôn Đình Trà, Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ: 100%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

- Lưu ý: Tại ngày 31/12/2012 vốn thực góp của Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT là 0 đ.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8

Trụ sở: Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54,17%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 54,17%

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Niên độ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính"; chuẩn mực số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào máy mình.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV-CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

2- Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty mẹ và Công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm cả kết quả hoạt động của Công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch nội bộ của công ty đã được loại trừ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT và Báo cáo tài chính của hai (02) Công ty con nêu trên.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (đ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình và chi phí lãi vay được vốn hóa.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: là khoản đầu tư như trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

8- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Giá trị công cụ, dụng cụ này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

30/12
CH
CON
KIẾ
DỊCH
TỔ
CAU
HAI CỐ CỐ T 1/21

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: Chi phí lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua và giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ: Các công cụ vốn của chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc tùy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, cụ thể: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, cụ thể: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17- Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17- Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18- Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Ô tô TMT. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Ô tô TMT, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 - Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	2.996.228.692	1.930.247.114
Tiền gửi ngân hàng (*)	10.514.825.355	4.736.576.883
Tiền đang chuyển	536.750.000	0
Cộng	14.047.804.047	6.666.823.997

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	Nguyên tệ	Quy đổi ra (đ)	Nguyên tệ	Quy đổi ra (đ)
Tiền gửi tại ngân hàng		10.514.825.355		4.736.576.883
Tiền gửi Việt Nam đồng	10.500.497.619	10.500.497.619	4.678.055.409	4.678.055.409
- Sở Giao dịch ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.964.663.102	3.964.663.102	948.241.269	948.241.269
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	5.169.551.374	5.169.551.374	1.883.041.986	1.883.041.986
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai	44.589.819	44.589.819	6.827.256	6.827.256
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Khu vực Mỹ Hào	88.688.228	88.688.228	86.151.436	86.151.436
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Bình Tân	2.013.574	2.013.574	83.499.452	83.499.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043 632 0282

Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng (Tiếp theo)

	Nguyên tệ	Quy đổi ra (đ)	Nguyên tệ	Quy đổi ra (đ)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	1.115.991	1.115.991	0	0
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Dire	0	0	976.695	976.695
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP. Hà Nội	0	0	2.075.243	2.075.243
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	15.836.139	15.836.139	322.594.564	322.594.564
- Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải	525.031.642	525.031.642	78.957.098	78.957.098
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn -SSI	59.287.372	59.287.372	42.225.010	42.225.010
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.657.968	1.657.968	1.900.520	1.900.520
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - PGD Thủ Đức	0	0	3.642.777	3.642.777
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên	891.296	891.296	0	0
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	78.194.524	78.194.524	125.261.249	125.261.249
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	548.976.590	548.976.590	1.092.660.854	1.092.660.854
Tiền gửi đô la Mỹ (USD)	687,88	14.327.736	2.809,01	58.521.474
- Sở Giao dịch ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	571,30	11.899.036	148,50	3.092.958
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	115,75	2.411.413	126,63	2.637.450
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai	0	0		15.413
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh- CN Hà Nội	0,83	17.287	2.533,88	52.775.653

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	118.602.251	245.171.964
Phải thu của ông Bùi Văn Hữu	5.869.198.387	0
Phải thu của ông Bùi Quốc Công	1.959.625.000	0
Phải thu của ông Đặng Quang Vinh	1.860.750.000	0
Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp Ô tô TMT	0	0
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	0	5.033.200.000
Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	500.000.000
Trần Văn Hà (dự thu lãi vay)	563.898.670	367.890.620
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Trường An về tiền thuê bãi bán xe	0	220.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	146.347.500	0
Các khoản phải thu khác	2.138.135.210	768.591.976
Cộng	13.156.557.018	7.134.854.560

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043 632 0282

Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 - Hàng tồn kho**

	31/12/2012	01/01/2011
	đ	đ
Hàng mua đang đi đường	319.907.297	1.201.933.636
Nguyên liệu, vật liệu	49.666.101.175	26.212.834.774
Công cụ, dụng cụ	19.949.091	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.579.873.654	107.524.290.043
Thành phẩm	37.026.781.130	64.039.867.379
Hàng hóa	16.788.172.353	9.341.220.493
Hàng gửi đi bán	57.009.324.875	13.523.611.175
Cộng giá gốc hàng tồn kho	198.410.109.575	221.843.757.500

5- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế Giá trị gia tăng	626.335.387	16.758.000
Thuế Xuất, nhập khẩu	2.059.859.877	1.850.291.156
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.860.776.353	1.860.776.353
Thuế Thu nhập cá nhân	118.542.836	76.368.479
Cộng	4.665.514.453	3.804.193.988

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	81.159.788.319	33.193.617.759	28.443.859.163	1.961.575.360	4.077.895.728	148.836.736.329
Tăng do mua sắm	0	359.895.174	448.601.454	131.172.091	0	939.668.719
Thanh lý, nhượng bán	(257.612.205)	0	(498.055.354)	0	0	(755.667.559)
Giảm khác	(136.431.827)	0	0	(19.223.636)	0	(155.655.463)
Tại ngày 31/12/2012	80.765.744.287	33.553.512.933	28.394.405.263	2.073.523.815	4.077.895.728	148.865.082.026
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						0
Tại ngày 01/01/2012	38.363.882.758	29.847.299.810	14.370.619.650	1.834.624.694	4.077.895.460	88.494.322.372
Khấu hao trong kỳ	4.572.005.181	2.431.923.998	2.648.569.388	53.116.563	0	9.705.615.130
Thanh lý, nhượng bán	(103.409.399)	0	(439.116.000)	0	0	(542.525.399)
Giảm khác	(136.431.827)	0	0	(320.000)	0	(136.751.827)
Tại ngày 31/12/2012	42.696.046.713	32.279.223.808	16.580.073.038	1.887.421.257	4.077.895.460	97.520.660.276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	42.795.905.561	3.346.317.949	14.073.239.513	126.950.666	268	60.342.413.957
Tại ngày 31/12/2012	38.069.697.574	1.274.289.125	11.814.332.225	186.102.558	268	51.344.421.750

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **36.473.897.720 đ.**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **51.345.985.536 đ.**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: **153.180.631 đ.**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	19.418.410.399	110.785.000	19.529.195.399
Tăng do mua sắm	0	0	0
Giảm khác	0	0	0
Tại ngày 31/12/2012	19.418.410.399	110.785.000	19.529.195.399
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	2.845.159.322	92.328.898	2.937.488.220
Khấu hao trong năm	412.382.976	8.595.000	420.977.976
Tại ngày 31/12/2012	3.257.542.298	100.923.898	3.358.466.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	16.573.251.077	18.456.102	16.591.707.179
Tại ngày 31/12/2012	16.160.868.101	9.861.102	16.170.729.203

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	187.590.931.800	175.037.362.874
- Dự án mở rộng nhà máy sản xuất ô tô tải	28.963.327.808	26.736.089.141
- Hạ tầng cơ sở giai đoạn 2	36.696.364	36.696.364
- Nhà máy ô tô	68.998.436.024	61.577.180.729
- Dây chuyền sơn	88.884.895.168	85.895.469.368
- Tuyến đường B5	1.440.000	1.440.000
- Hạng mục khác	18.652.727	18.652.727
- Dự án khu Văn phòng: Trung tâm Dạy nghề lái xe tại xã Vĩnh Quỳnh - Thanh Trì - Hà Nội	658.258.709	601.834.545
- Nhà điều hành VP Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô số 8	29.225.000	0
- Sửa chữa lớn TSCĐ		170.000.000
Chi phí hoạt động của các dự án (*)	7.206.524.388	0
- Dự án nhập khẩu xe Tata giới thiệu thị trường	5.113.385.939	0
- Dự án dòng xe cao cấp của Nga	1.171.564.774	0
- Dự án dòng xe Daihasu - Nhật Bản	921.573.675	0
Cộng	194.797.456.188	175.037.362.874

(*) Trong năm 2012 Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 28/NQ-HDQT ngày 18/01/2012 về việc phê duyệt chủ trương thành lập Tổ nghiên cứu thị trường và tìm kiếm đối tác chuyển giao công nghệ hợp tác sản xuất, kinh doanh các loại xe ô tô thương hiệu toàn cầu; theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty ngày 20/01/2012 về việc thành lập Tổ nghiên cứu thị trường và tìm kiếm đối tác chuyển giao công nghệ, hợp tác sản xuất, kinh doanh các loại xe ô tô thương hiệu toàn cầu. Chi phí thực hiện của Tổ nghiên cứu trong việc nhập khẩu xe Ta ta giới thiệu thị trường và các dòng xe cao cấp của Nga và Nhật Bản, hiện đang được công ty theo dõi Chi phí hoạt động của dự án, giai đoạn đầu nghiên cứu và khảo sát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043 632 0282

Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
- Hợp tác kinh doanh với công ty Cổ phần Thiên Trường An		0		2.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	16.000	784.016.613	16.000	784.016.613
- Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Chứng chỉ Quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)	18.000	207.800.000	18.000	207.800.000
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	16.000	510.500.000	16.000	510.500.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	2.000	181.000.000	2.000	181.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp bưu điện Hà Nội (HAS)	5.000	89.500.000	5.000	89.500.000
- Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông (SAM)	53.000	888.350.000	53.000	888.350.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình (VSH)	15.750	424.300.000	15.750	424.300.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh		2.250.000.000		0
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		(1.938.774.943)		(2.345.637.343)
Cộng		3.897.765.200		3.490.902.800

(*) : Chi tiết Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)	Số lượng (CP)	Giá trị (đ)
+ Cổ phiếu Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	16000	593.616.613	16000	672.016.613
+ Cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Bưu điện (POT)	24	458.200	24	491.800
+ Chứng chỉ Quỹ cân bằng PUDENTIAL (PRUBF1)	18.000	74.600.000	18.000	117.800.000
+ Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	16.000	337.700.000	16.000	400.100.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	275.130	6	303.930
+ Cổ phiếu Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	2.000	109.400.000	2.000	133.400.000
+ Cổ phiếu Công ty CP xây lắp bưu điện Hà Nội (HAS)	5.000	64.500.000	5.000	67.500.000
+ Cổ phiếu Công ty CP cáp và vật liệu viễn thông (SAM)	53.000	496.150.000	53.000	660.450.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình (VSH)	15.750	262.075.000	15.750	293.575.000
Cộng		1.938.774.943		2.345.637.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Hệ thống biển hiệu quảng cáo	130.784.610	1.381.727.528
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ đang sử dụng chờ phân bổ	1.829.985.731	777.085.363
Bảo hiểm tín dụng thương mại	0	0
Chi phí sửa chữa	18.354.430	245.782.474
Chi phí trả trước dài hạn khác	903.092.718	827.837.458
Cộng	2.882.217.489	3.232.432.823

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vay ngắn hạn ngân hàng:	185.410.561.372	136.484.462.140
+ Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	59.277.005.880	95.500.323.565
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội	126.133.555.492	40.984.138.575
Vay ngắn hạn cá nhân:	0	14.697.633.000
+ Ông Bùi Văn Hữu	0	1.732.276.000
+ Công ty TNHH Bình Dương	0	9.900.000.000
+ Ông Bùi Quốc Công	0	2.542.247.000
+ Ông Đào Duy Hưng	0	523.110.000
Vay dài hạn đến hạn trả	22.887.854.483	24.366.855.098
Cộng	208.298.415.855	175.548.950.238

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế Giá trị gia tăng	5.443.628.117	11.359.488.309
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	266.806.720	221.219.684
Thuế Thu nhập cá nhân	1.151.361	3.535.425
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.273.616.791	3.886.616.879
Cộng	9.985.202.989	15.470.860.297

17- Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Chiết khấu thanh toán	0	289.234.290
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả	714.523.699	859.532.752
Chi phí vận chuyển	129.886.364	446.895.455
Chi phí khác	26.425.000	109.875.000
Cộng	870.835.063	1.705.537.497

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043 632 0282

Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Kinh phí công đoàn	3.200.341.996	2.841.550.204
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	457.150	1.727.188
Phải trả về cổ phần hóa	10.400.000	10.400.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.108.000.000	8.100.000.000
Các khoản phải trả khác	370.295.821	1.006.317.402
Cộng	4.689.494.967	11.959.994.794

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
a. Vay dài hạn	0	20.147.271.046
<i>Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>0</i>	<i>20.147.271.046</i>
b. Nợ dài hạn	2.135.000.000	2.255.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ Đức (không tính lãi)</i>	<i>750.000.000</i>	<i>870.000.000</i>
<i>Nợ dài hạn khác</i>	<i>1.385.000.000</i>	<i>1.385.000.000</i>
Cộng	2.135.000.000	22.402.271.046

21- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	393.036.150	407.781.927
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế</i>	<i>393.036.150</i>	<i>272.636.756</i>
<i>Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>0</i>	<i>135.145.171</i>
Cộng	393.036.150	407.781.927

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Tel: 043 632 0282 Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	0	(7.729.079.806)	209.465.924	10.494.536.898	43.066.013.171	355.388.667.020
Lãi/lỗ trong năm	0	0	0	0	0	0	1.554.956.493	1.554.956.493
Tăng do phân phối lợi nhuận	0	0	405.478.562	0	616.798.435	0	0	1.022.276.997
Tăng khác	0	0	0	(951.909.841)	81.249.976	81.249.975	0	(789.409.890)
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	(31.866.866.597)	(31.866.866.597)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	(1.154.455.443)	(1.154.455.443)
Số dư cuối năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	405.478.562	(8.680.989.647)	907.514.335	10.575.786.873	11.599.647.624	324.155.168.580
Số dư đầu năm nay	284.502.360.000	24.845.370.833	405.478.562	(8.680.989.647)	907.514.335	10.575.786.873	11.599.647.624	324.155.168.580
Lãi/lỗ trong năm	0	0	0	0	0	0	192.567.544	192.567.544
Tăng do phân phối lợi nhuận	0	0	77.747.825	0	37.390.316	84.565.350	0	199.703.491
Tăng khác	0	0	0	0	0	138.514.318	823.000.000	961.514.318
Giảm vốn trong năm (*)	0	0	0	0	0	(10.668.030.734)	0	(10.668.030.734)
Phân phối lợi nhuận (**)	0	0	0	0	0	0	(354.685.586)	(354.685.586)
Giảm khác	0	0	0	0	(138.514.318)	0	0	(138.514.318)
Số dư cuối năm nay	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	12.260.529.582	314.347.723.295

(*) Thực hiện theo Điều 1 Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 982/NQ-HĐQT ngày 07/12/2012.

(**) Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02/3/2012 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, cụ thể:

- Trích Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ: 77.747.825 đ;
- Phân phối vào Quỹ dự phòng tài chính: 46.648.695 đ;
- Phân phối vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 46.648.695 đ.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8 được phân phối vào các quỹ trong kỳ:

- Phân phối quỹ đầu tư phát triển: 37.390.316 đ;
- Phân phối quỹ dự phòng tài chính: 37.916.655 đ;
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi: 108.340.000 đ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vốn góp của Nhà nước	61.280.620.000	61.280.620.000
Vốn góp của các đối tượng khác	223.221.740.000	223.221.740.000
Cộng	284.502.360.000	284.502.360.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm nay	Năm trước
	đ	đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	284.502.360.000	284.502.360.000
- Cổ tức lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	0	30.844.589.600

d- Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.450.236	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.450.236	28.450.236
+ Cổ phiếu phổ thông	28.450.236	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.040.536	28.040.536
+ Cổ phiếu phổ thông	28.040.536	28.040.536
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu quỹ	409.700	409.700
+ Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e - Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển:	806.390.333	907.514.335
Quỹ dự phòng tài chính:	130.835.807	10.575.786.873

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	582.009.248.733	886.530.559.681
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	536.657.014.855	847.561.232.613
Doanh thu cung cấp thành phẩm	0	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.352.233.878	38.969.327.068
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	93.539.928.178	3.325.128.316
Chiết khấu thương mại	662.727.275	1.350.000.001
Giảm giá hàng bán	0	22.272.728
Hàng bán bị trả lại	92.877.200.903	1.952.855.587
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.469.320.555	883.205.431.365
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	443.117.086.677	844.236.104.297
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	45.352.233.878	38.969.327.068
28 - Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	400.187.257.145	751.137.149.038
Giá vốn của dịch vụ	41.923.267.919	35.726.164.898
Cộng	442.110.525.064	786.863.313.936
29 - Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.546.362.255	4.717.210.802
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.457.200	118.111.500
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	93.379.526	10.269.157.624
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	269.546.297	110.934.481
Chiết khấu thanh toán	0	643.255.550
Cộng	1.955.745.278	15.858.669.957
30 - Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Chi phí lãi tiền vay	8.887.959.682	21.972.137.870
Chiết khấu thanh toán	2.904.160.770	6.729.527.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.946.818.631	11.834.121.221
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(406.862.400)	556.994.800
Chi phí tài chính khác	0	6.830.150
Cộng	16.332.076.683	41.099.611.651

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Tel: 043 632 0282 Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	596.643.204	789.187.074
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	0	(1.033.753.691)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	(244.566.617)

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(14.745.777)	135.145.171
Cộng	(14.745.777)	135.145.171

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012
	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.853.386.531
Chi phí nhân công	21.986.477.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.019.024.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.900.104.448
Chi phí khác bằng tiền	15.576.731.370
Cộng	377.335.724.298

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	192.567.544	1.554.956.493
Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	192.567.544	1.554.956.493
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.040.536	28.040.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,87	55,45

36- Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
 Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

36.1- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36.1- Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản (%/điểm)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (đ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
Đồng	+200	(3.895.747.236)
Đồng	-200	3.895.747.236
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
Đồng	+300	(5.670.881.919)
Đồng	-300	5.670.881.919

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

36.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm (đ)	Từ 1 năm đến 5 năm (đ)	Cộng (đ)
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	208.298.415.855	2.135.000.000	210.433.415.855
Phải trả người bán	38.044.262.884	0	38.044.262.884
Chi phí phải trả	870.835.063	0	870.835.063
Các khoản phải trả khác	1.488.695.821	7.928.366.305	9.417.062.126
Cộng	248.702.209.623	10.063.366.305	258.765.575.928
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay và nợ	175.548.950.238	22.402.271.046	197.951.221.284
Phải trả người bán	42.956.398.807	0	42.956.398.807
Chi phí phải trả	1.705.537.497	0	1.705.537.497
Các khoản phải trả khác	9.116.717.402	302.456.305	9.419.173.707
Cộng	229.327.603.944	22.704.727.351	252.032.331.295

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.050.369.965	9.113.369.450	18.050.369.965	9.113.369.450
Phải thu khách hàng	79.949.680.161	95.871.850.768	79.949.680.161	95.871.850.768
Phải thu khác	13.156.557.018	7.134.854.560	12.841.149.537	7.134.854.560
Đầu tư tài chính dài hạn	3.897.765.200	3.490.902.800	3.897.765.200	1.145.265.457
Cộng	115.054.372.344	115.610.977.578	114.738.964.863	113.265.340.235
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	210.433.415.855	197.951.221.284	210.433.415.855	197.951.221.284
Phải trả người bán	38.044.262.884	42.956.398.807	38.044.262.884	42.956.398.807
Chi phí phải trả	870.835.063	1.705.537.497	870.835.063	1.705.537.497
Các khoản phải trả khác	1.488.695.821	9.116.717.402	1.488.695.821	9.116.717.402
Cộng	250.837.209.623	251.729.874.990	250.837.209.623	251.729.874.990

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT mà chưa được thuyết minh trong báo cáo này.

4- Giao dịch các bên liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2012

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Bùi Văn Hữu	Chủ tịch	150.576.500
2	Đặng Quang Vinh	Thành viên	42.692.500
3	Lê Văn Phiến	Thành viên	42.115.100
4	Bùi Quốc Công	Thành viên	42.307.900
5	Lê Tiến Phan	Thành viên	42.692.500
6	Trần Văn Hà	Thành viên	12.500.100
7	Phạm Văn Hồng	Thành viên	30.000.000
8	Đỗ Mạnh Tuấn	Thành viên	45.384.800
Cộng			408.269.400

- Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc năm 2012

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc	525.853.000
2	Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	152.331.500
3	Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	141.231.000
4	Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	128.046.700
5	Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc	123.467.300
Cộng			1.097.138.400

* Trong năm tài chính 2012 Công ty có thực hiện vay và cho vay một số thành viên hội đồng quản trị theo tờ trình số 050110/BTGD ngày 05/01/2010 của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT về việc Huy động vốn cho vay vốn đối với cán bộ công nhân viên đã được phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Số tiền Công ty vay tại ngày 01/01/2012: **4.274.523.000 đồng**, số tiền Công ty cho vay tồn tại ngày 31/12/2012: **9.689.573.387 đồng**.

6- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2012 và số liệu tài chính năm 2011 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 043 632 0282

Fax: 043. 633 9084

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lâm Thị Hiền

Lâm Thị Hiền

Bùi Văn Hữu